

Số: 03/2024/QĐST-DS

Vân Đồn, ngày 19 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323, Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (N); địa chỉ: Số B L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H - Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị L - Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm Q (theo Giấy ủy quyền số 367/2024/UQ-HĐQT.NCB ngày

24/01/2024).

Người được ủy quyền lại:

+ Ông: **Phạm Minh Đ** - Sinh năm 1990; chức vụ: Trưởng bộ phận - Phòng xử lý nợ **miền B** - Trung tâm xử lý nợ - **Ngân hàng TMCP Q**;

Địa chỉ liên hệ: **Số D L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình**;

+ Bà: **Trần Thị Minh H1** - Sinh năm 1992; chức vụ : Chuyên viên - Phòng XLN Miền bắc - Trung tâm xử lý nợ - **Ngân hàng TMCP Q**;

Địa chỉ liên hệ: Ô số 11-12 QH khu dân cư phía Đông, **đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**;

+ Ông: **Phạm Quốc H2** – Sinh năm 1993; chức vụ: Chuyên viên - Phòng XLN Miền bắc - Trung tâm xử lý nợ - **Ngân hàng TMCP Q**;

Địa chỉ liên hệ: **Số B lô B L, phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng**;

(Theo Giấy ủy quyền số 2109/2024/GUQ-BĐH.NCB.01 ngày 27/03/2024).

- Bị đơn: bà **Vũ Thị H3** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: **thôn I, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh**;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Vũ Thị H3** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Q (N)**, tính đến ngày 09/8/2024 tổng số tiền nợ gốc và lãi là 8.309.872.671 đồng (Tám tỷ, ba trăm linh chín triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng), bao gồm: tiền nợ gốc: 7.604.999.935 đồng; lãi trong hạn: 657.586.648 đồng; lãi quá hạn: 47.241.088 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán trả nợ:

- Trước ngày 25/8/2024, bà **Vũ Thị H3** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Q1** tiền: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Trước ngày 25/9/2024, bà **Vũ Thị H3** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Q1** tiền: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Trước ngày 25/10/2024, bà **Vũ Thị H3** phải trả cho **Ngân hàng TMCP Q** toàn bộ dư nợ còn lại, số tiền: 8.209.872.671 đồng (tám tỷ, hai trăm linh chín triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng).

2.3. Kể từ ngày 10/8/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, bà **Vũ Thị H3** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 346/CN/23/HĐCV-QNH ngày 07/04/2023 đã ký kết giữa **Ngân hàng TMCP Q** với bà **Vũ Thị H3**.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng TMCP Q** cho vay thì lãi suất mà

bà **Vũ Thị H3** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q** theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng TMCP Q** cho vay.

2.4. Trường hợp bà **Vũ Thị H3** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên thì **Ngân hàng TMCP Q** có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp đối với thửa đất số: 111, tờ bản đồ số: 38, có diện tích: 99 m² (bằng chữ: chín mươi chín mét vuông); hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài, tại địa chỉ: **Khu T Vân Đồn H, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh**. Tài sản gắn liền với đất là: 01 nhà ở riêng lẻ cấp III xây dựng năm 2020; Diện tích xây dựng: 79,8m²; Diện tích sàn: 307,88m²; Số tầng: 04 tầng; Kết cấu: bê tông, cốt thép. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số DE 442240, số vào sổ cấp GCN: CH08003 do **UBND quận huyện V, tỉnh Quảng Ninh** cấp ngày 27/02/2023 cho ông **Lê Văn H4** cùng bà **Nguyễn Thị Quỳnh T**. Ngày 06/03/2023, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Quảng Ninh** – Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **huyện V** xác nhận chuyển nhượng cho bà **Vũ Thị H3** theo hồ sơ số 80 ngày 06/03/2023, Hợp đồng thế chấp số Công chứng số 750 Quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD tại **Văn phòng C** được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP Q** với bà **Vũ Thị H3**, để thu hồi toàn bộ số nợ cho **Ngân hàng TMCP Q**. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà **Vũ Thị H3** tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP Q** cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.5. Về án phí: bà **Vũ Thị H3** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 58.154.936đ (năm mươi tám triệu một trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng). Trả lại **Ngân hàng TMCP Q** tạm ứng án phí đã nộp số tiền 57.975.000đ (năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004124 ngày 02/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà **Vũ Thị H3** chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Bà **Vũ Thị H3** phải hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Q** toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000 đồng mà **Ngân hàng TMCP Q** đã nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

khoản tiền 10 triệu đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Vân Đồn;
- Chi cục THADS huyện Vân Đồn;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hoàng